

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2019/DS-PT

Ngày: 28-5-2019

"V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự dịch vụ"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Ông Huỳnh Thanh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự dịch vụ”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổ kinh tế hợp tác Trạm bơm Đ.B.K 3 Ấp A và Ấp B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn T, sinh năm 1957, chức vụ: Trưởng trạm (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Tiến S, sinh năm 1994 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ.B.K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh T1 (Là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B, người đại diện theo pháp luật là ông Lương Văn T trình bày:

Tổ kinh tế hợp tác Trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B, có bơm nước mướn cho anh Nguyễn Thanh T1 với diện tích đất ruộng là 1.000m² (1 công) với giá là 600.000đ/1 vụ, anh T1 còn thiếu vụ Hè thu và Vụ 3 năm 2017 là 1.200.000đồng, tiền bơm nước nuôi ếch chưa trả. Nay Tổ kinh tế hợp tác Trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 trả tiền thủy lợi phí với số tiền là 1.200.000 đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Anh có canh tác diện tích đất 1000m² (1 công) nuôi ếch con (ếch giống) và có sử dụng nước của Tổ kinh tế hợp tác Trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B để nuôi ếch. Nhưng anh chỉ nuôi có 01 năm mà số nước anh sử dụng có bằng ½ so với canh tác lúa, nay trạm bơm yêu cầu anh trả 1.200.000đồng anh không đồng ý.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông T rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu anh T1 trả tiền thủy lợi phí là 500.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 không đồng ý trả 500.000 đồng theo yêu cầu của ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng Điều 513, 515 và Điều 519 của Bộ luật dân sự; Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B, về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 trả tiền thủy lợi phí với số tiền là 500.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B, số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01618 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

+ Anh Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, bị đơn Nguyễn Thanh T1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Thanh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Tổ kinh tế hợp tác Trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh T1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 86/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo Tòa sơ thẩm xác định bị đơn Nguyễn Thanh T1 sinh năm 1982 là chưa đúng. Theo chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của anh Nguyễn Thanh T1 là sinh năm 1984 và theo xác nhận của Công an xã Đ.B.K ngày 25/5/2019 xác nhận anh Nguyễn Thanh T1 sinh năm 1984. Do đó xác định anh Nguyễn Thanh T1 là sinh năm 1984.

Tại phiên tòa ngày 28/5/2019, người đại diện theo pháp luật cho nguyên đơn Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B là ông Lương Văn T và bị đơn Nguyễn Thanh T1 có mặt tại phiên tòa.

[2] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B, yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 trả tiền dịch vụ, mà cụ thể là tiền thủy lợi phí mà anh T1 còn nợ của vụ Hè Thu và vụ 3 năm 2017 mỗi vụ là 600.000 đồng/1.000m², anh T1 nợ hai vụ là 1.200.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông Lương Văn T là người đại diện cho Tổ hợp tác rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu anh T1 trả tiền thủy lợi phí tổng cộng số tiền là 500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Theo nội dung đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Thanh T1 trình bày: Anh T1 thừa nhận là giữa những người nuôi ếch con (trong đó có anh T1 cũng là người nuôi ếch) nằm trong phạm vi trạm bơm nước của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K có thỏa thuận là nuôi ếch xả nước xuống trạm bơm thì mỗi hộ trả mỗi mùa vụ là 600.000 đồng/1.000m² và anh T1 cũng thừa nhận là khi anh nuôi ếch anh lấy nước từ sông bơm lên và có xả nước xuống sông trong phạm vi trạm bơm của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K quản lý, nhưng anh T1 cho rằng phần nước xả của những bể nuôi ếch của anh T1 xả xuống trạm bơm không đáng kể nên anh T1 không đồng ý trả số tiền 500.000 đồng thủy lợi phí theo yêu cầu của ông Lương Văn T và anh T1 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án vì anh đã nghỉ nuôi ếch từ năm 2016.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của anh Nguyễn Thanh T1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận; bởi lẽ: Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 đều thừa nhận là anh và trạm bơm (do ông T là người đại diện cho trạm bơm) có thỏa thuận là phí thủy lợi trả tiền xả nước xuống khu vực trạm bơm quản lý của những hộ dân nuôi ếch, trong đó anh T1 cũng là người nuôi ếch giống, với giá mỗi mùa vụ là 600.000 đồng/1.000m². Anh T1 cũng thừa nhận khi anh nuôi ếch giống thì anh có xả nước xuống khu vực trong phạm vi do trạm bơm của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K quản lý và anh T1 cũng thừa nhận từ khi nuôi ếch giống đến nay anh chưa trả tiền thủy lợi phí vụ nào cho Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K. Do đó, nghỉ nên buộc anh T phải có nghĩa vụ trả tiền thủy lợi phí 500.000.000

đồng cho Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B mà anh T1 còn nợ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 trình bày nại cho rằng là anh T1 nuôi ếch xả nước xuống trạm bơm với số lượng nước không đáng kể và anh T1 cho rằng kể từ cuối năm 2016 anh không còn nuôi ếch nữa nên việc Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 khởi kiện đòi tiền thủy lợi phí là không đúng. Xét lời trình bày nại trên của anh T1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Hội đồng xét xử xét thấy đây chỉ là lời trình bày của cá nhân anh T1 và anh T1 cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, tức là anh không có gì chứng minh từ cuối năm 2016 anh không còn nuôi ếch giống cho đến nay. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm anh T1 cung cấp người làm chứng là anh Nguyễn Tiến S. Anh S trình bày thấy anh T1 không còn nuôi ếch từ tháng 12/2016 và anh S trình bày anh S là cháu gọi anh T1 là cậu ruột nên anh S không thể làm chứng cho anh T1 được vì có quan hệ bà con, cho nên lời trình bày của anh T1 là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 trả tiền thủy lợi phí với số tiền là 500.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ như án sơ thẩm đã xét xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của anh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B, buộc anh Nguyễn Thanh T1 trả cho Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B số tiền thủy lợi phí là 500.000 đồng và đình chỉ xét xử một phần vụ án, do nguyên đơn rút một phần yêu cầu như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B là có căn cứ được chấp nhận nên anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đồng thời, anh T1 còn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng do không được chấp nhận kháng cáo (anh T1 đã nộp xong án phí kháng cáo phúc thẩm).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 244 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 513, 515 và Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh T1.
 2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
 3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B, về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 trả tiền thủy lợi phí với số tiền là 500.000 đồng.
 4. Buộc anh Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B số tiền thủy lợi phí 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).
 5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B đối với bị đơn Nguyễn Thanh T1.
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
6. Về án phí:
 - 6.1. Anh Nguyễn Thanh T1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.
 - 6.2. Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Tổ kinh tế hợp tác trạm bơm Đ.B.K 3 ấp A và ấp B số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 01618 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.
 - 6.3. Anh Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số: 0004102 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp (anh Nguyễn Thanh T1 đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm).

7. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao